TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỸ HÀO** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17/01/2025
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MH - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Xuân Khải

- Bà Vũ Thị Diệu Thúy

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đăng Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã MH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17/ 01/ 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2024 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 *(Vắng mặt)*.

* ***Bị đơn:*** Anh Đặng Văn T, sinh năm 1984 *(Vắng mặt)*.

Đều địa chỉ: Thôn H, xã DQ, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

* ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Cháu Đặng Thị Kim H1, sinh ngày 08/02/2009 *(Vắng mặt)*.

2. Cháu Đặng Thị Kim Đ, sinh ngày 02/8/2010 *(Vắng mặt)*.

3. Cháu Đặng Thị Kim C, sinh ngày 03/9/2014 *(Vắng mặt)*.

Đều địa chỉ: Thôn H, xã DQ, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu H1, cháu Đ và cháu C: Anh Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị H *(đều vắng mặt)*.

**** Người làm chứng:***

1. Bà Nguyễn Thị Sợi, sinh năm 1958 *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: Thôn H, xã DQ, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Nguyễn Văn Như, sinh năm 1991 *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: Thôn P, xã PT, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã DQ, huyện MH (này là thị xã MH), tỉnh Hưng Yên ngày 13/03/2008 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng căng thẳng, cãi vã, thậm chí xô sát. Do không thể chịu đựng được nữa nên chị phải ra ngoài ở trọ từ tháng 6 năm 2024 và vợ chồng ly thân. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vẫn ly thân nhau. Kể từ khi khi ly thân nhau cho đến nay, hai bên không gặp gỡ trao đổi gì để hàn gắn mâu thuẫn. Thực tế cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, bế tắc. Trước khi nộp đơn ly hôn đơn phương, chị đã viết đơn xin ly hôn đề ngày 17/6/2024 và anh T đã đồng ý ly hôn, ký vào đơn này và chị đã giao nộp cho Tòa án để xem xét thêm. Nay chị xác định, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, trầm trọng và đến nay hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tđể mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là cháu Đặng Thị Kim H1, sinh ngày 08/02/2009, cháu Đặng Thị Kim Đ, sinh ngày 02/8/2010 và cháu Đặng Thị Kim C, sinh ngày 03/9/2014. Quan điểm của chị H tại thời điểm làm đơn khởi kiện là nếu anh T có nguyện vọng nuôi cả 03 cháu hoặc nuôi cháu nào thì chị cũng nhất trí. Còn trong trường hợp anh T không nuôi dưỡng cháu nào thì chị nuôi dưỡng cả ba cháu và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Thực tế, sau khi làm đơn xin ly hôn thì chị thấy rằng: Hiện tại, chị đang ở trọ tại Tổ dân phố Ngọc Lập, phường PCK, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên, chỗ ở nhỏ, chỉ đủ điều kiện sinh hoạt cho 01 người; mẹ của chị đang bị ốm, em trai thì ở quê huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, ở xa nơi chị trọ nên không có người hỗ trợ chăm sóc các cháu. Do vậy, nếu các cháu ở với chị sẽ không đảm bảo quyền lợi chính đáng. Hiện tại các cháu đều đang ở với anh T và được sự hỗ trợ của bà nội là bà Nguyễn Thị Sợi tại thôn Hiển Dương, xã DQ. Hơn nữa, anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 cháu cũng phù hợp với nguyện vọng của 03 cháu. Việc này giữa chị và anh T cũng đã trao đổi và đã thống nhất người nuôi con. Chị được biết, anh T hiện tại đã có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dạy con chung. Để tránh xáo trộn nơi ăn, chốn ở và học hành của 03 cháu nên cả 03 cháu tiếp tục ở với anh T là phù hợp, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho 03 cháu. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 03 cháu cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Quan điểm của anh T không yêu cầu chị cấp dưỡng nhưng chị vẫn tự nguyện cấp dưỡng hằng tháng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, tổng 03 cháu với số tiền là 3.000.000đ/tháng/03 cháu (Ba triệu

đồng một tháng ba cháu). Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cả 03 cháu thành niên.

Về tài sản chung, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Khi ly hôn, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đặng Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh T đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H; Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu H1, cháu Đ và cháu C. Anh có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 03 cháu đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng vì hiện tại anh có công việc, thu nhập đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dạy các cháu; Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh không yêu cầu giải quyết. Tất cả các vấn đề trên giữa anh và chị H đã thống nhất với nhau rồi nhưng do anh bận công việc nên không đến làm việc được và đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

* Quan điểm của người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Sợi *(là mẹ đẻ)* của anh T trình bày: Anh T và chị H đăng ký kết hôn tự nguyện và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa anh T và chị H đã xảy ra to tiếng, cãi nhau và đang ly thân. Bà đã khuyên bảo để anh chị hàn gắn mâu thuẫn nhưng chị H vẫn không nghe, bảo là việc của con. Còn anh T thì bảo là kệ nó nên từ đó đến nay tình cảm anh chị chưa được cải thiện. Việc ở với nhau được hay không là do anh chị tự quyết định và bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Như *(là em trai của chị H)* trình bày: Chị H có nói với anh và gia đình là trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào đầu năm 2023 cho đến nay và thực tế chị H đã đi ra ở trọ và vợ chồng đang ly thân nhau. Chị H có trao đổi với anh về cuộc sống không hạnh phúc, nếu cứ kéo dài tình trạng này sẽ rất mệt mỏi về tâm lý và ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống và công việc, khổ cực cho cả hai bên. Việc chị H và anh T có ở được với nhau hay không là do anh chị tự quyết định. Vì vậy, nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không hòa giải được, do đó phải đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay: Vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); vắng mặt bị đơn là anh Đặng Văn T; vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu H1, cháu Đ, cháu C; vắng mặt người làm chứng là bà S và anh N.

Bị đơn là anh Đặng Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Chủ toạ phiên toà công bố đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và tóm tắt nội dung khởi kiện của chị H; công bố lời khai của bị đơn anh T cũng như của những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Toà án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung*: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, giải quyết cho chị H ly hôn anh T; Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Kim H1, sinh ngày 08/02/2009, cháu Đặng Thị Kim Đ, sinh ngày 02/8/2010, cháu Đặng Thị Kim C, sinh ngày 03/9/2014 cho anh Đặng Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên; Các vấn đề khác như tài sản, công nợ, công sức, ruộng nông nghiệp: các đương sự đều tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DQ, huyện MH *(nay là thị xã MH)*, tỉnh Hưng Yên vào năm 2008 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Đặng Văn T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh Đặng Văn T có địa chỉ thường trú và cư trú tại thôn HD, xã DQ, thị xã MH nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn là chị H (có đơn xin giải quyết vắng mặt); vắng mặt bị đơn anh T lần thứ hai không có lý do; vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu H1, cháu Đ, cháu C; vắng mặt người làm chứng là bà S, anh N nhưng đều đã có lời khai đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt tất cả những người này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của chị Nguyễn Thị H, anh Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn N đã thể hiện rõ trong quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn căng thẳng nhất vào khoảng tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về

quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, việc của ai người ấy lo, thu nhập của ai người đó quản lý, dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng căng thẳng, cãi vã, thậm chí xô sát và vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2024, không quan hệ vợ chồng. Chị H đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vẫn đang ly thân nhau. Nay chị H xác định, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, trầm trọng và đến nay hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung. Đối với anh Đặng Văn T không có quan điểm gì để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, anh đồng ý ly hôn với chị H. Điều đó, thể thiện qua việc anh đều vắng mặt trong các lần Toà án triệu tập để làm việc, hoà giải, thể hiện thái độ buông xuôi, bỏ mặc cuộc hôn nhân mà không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tất cả những điều trên đã cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng, có đầy đủ căn cứ cho ly hôn. Vì vậy, Tòa án sẽ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đặng Văn T.

[3] Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là cháu Đặng Thị Kim H1, sinh ngày 08/02/2009, cháu Đặng Thị Kim Đ, sinh ngày 02/8/2010 và cháu Đặng Thị Kim C, sinh ngày 03/9/2014. Xét quan điểm của chị H về việc giao cả 03 cháu cho anh T nuôi dưỡng thì thấy: Đối với chị H đang ở trọ tại Tổ dân phố Ngọc Lập, phường Phùng Chí Kiên, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên, chỗ ở nhỏ, chỉ đủ điều kiện sinh hoạt cho 01 người; mẹ của chị đang bị ốm, em trai thì ở quê huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, ở xa nên không có người hỗ trợ chăm sóc các cháu. Đối với anh T hiện tại có công việc, thu nhập và có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc 03 cháu. Đối với các cháu H1, Đ, C đều có nguyện vọng được ở với anh T. Thực tế, cả 03 cháu đang ở với anh T và được sự hỗ trợ của bà nội là bà S. Mặt khác, theo lời trình bày của chị H thì giữa chị và anh T cũng đã trao đổi thống nhất với nhau về người nuôi dưỡng con đã phù hợp với lời trình bày của anh T nên cả 03 cháu tiếp tục ở với anh T là phù hợp, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho 03 cháu. Vì vậy, để tránh xáo trộn nơi ăn, chốn ở và học hành của 03 cháu, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 03 cháu cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Mặc dù, anh T không yêu cầu chị cấp dưỡng nhưng chị vẫn tự nguyện cấp dưỡng hằng tháng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, tổng 03 cháu với số tiền là 3.000.000đ/tháng/03 cháu (Ba triệu đồng một tháng ba cháu). Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cả 03 cháu thành niên. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị H.

[4] Về tài sản, về nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn T đều tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Kim H1, sinh ngày 08/02/2009, cháu Đặng Thị Kim Đ, sinh ngày 02/8/2010 và cháu Đặng Thị Kim C, sinh ngày 03/9/2014 cho anh Đặng Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng số tiền 3.000.000đ/01 tháng/ 03 cháu *(Ba triệu đồng một tháng ba cháu)*. Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, về nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn T đều tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003475 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã MH, tỉnh Hưng Yên. Chị Nguyễn Thị H đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn, chị Nguyễn Thị H còn phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã MH;
- C cục T.H.A DS thị xã MH;
- Phòng KTNV và THA - Toà án tỉnh Hưng Yên;
- Nguyên đơn; Bị đơn;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã DQ;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Quốc Huy